

Bản án số: 71/2024/HS-ST

Ngày: 27/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Ông Trần Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Văn Quang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2024/QĐXXST-HS ngày 10/9/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thân Văn N, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1991;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Thân Đức P, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 và hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016.

Đều thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Giáp Văn T1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1990;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Nơi thường trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Giáp Văn T2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964, có vợ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1990 và ba con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Đều thường trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Đoàn Văn T3, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1990;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1961 và Lê Thị D, sinh năm 1969, vợ, con chưa có

Đều thường trú: thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự số 67/2012/HSST ngày 17/9/2012 Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt Đoàn Văn T3 02 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2012, phạt bổ sung 5.000.000 đồng phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 01/12/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/01/2014.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Đỗ Văn B, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1989;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Đỗ Văn V, sinh năm 1960 và bà Trần Thị T4, sinh năm 1964, có vợ Giáp Thị X, sinh năm 1991 và hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013.

Đều thường trú: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Ngọc L, Luật sư Văn phòng L2 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, bào chữa cho bị cáo Thân Văn N. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Thân Đức P, sinh năm 1960, (có mặt).

Nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Lê Văn H2, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1992, (có mặt).

Nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Giáp Thế H3, sinh năm 1996, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Giáp Văn H4, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ ngày 10/01/2024, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện T kiểm tra phát hiện bắt quả tang tại nhà cấp 4 nhà nghỉ H8 thuộc thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang do Thân Văn N, sinh năm 1991 quản lý: Tại phòng số 1: Có Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã V, huyện T và Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã S, huyện T. T5 khai được Thân Văn N cho thuê phòng sử dụng ma túy. Thu giữ 01 chai nhựa gắn ống hút, 01 bật lửa, 03 mảnh giấy bạc trong đó 01 mảnh bám dính chất màu đen; Tại phòng số 2: Có Giáp Văn T1, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã C, huyện T; Đỗ Văn B, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã N; Lê Văn H2, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã N; Đoàn Văn T3, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã N, huyện T. Những người này đều khai nhận đang sử dụng trái phép chất ma túy. T3 khai được Thân Văn N cho thuê phòng để sử dụng ma túy. Thu giữ 01 mảnh giấy bạc có bám dính vệt màu nâu đen, 01 đoạn ống nhựa màu trắng bên trong bám dính chất màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu trắng bên trong bám dính chất màu đỏ, tất cả

được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu “QT2”, 01 chai nhựa có ống hút, 01 bật lửa; Phòng số 4: Có Lê Văn K, sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã N; Giáp Thế H3, sinh năm 1996; Giáp Văn H4, sinh năm 1993, đều trú tại thôn C, xã C, huyện T. K, H3 và H4 khai vào nghỉ trú mưa. Tổ kiểm tra không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Ngoài vật chứng nêu trên, Cơ quan Công an còn thu giữ những vật chứng sau:

Thu của Thân Văn N 01 Căn cước công dân số 024091017583 mang tên Thân Văn N và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng chanh, có số IMEL 353112100034657. Điện thoại được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “ĐT Nam”; Thu giữ của Giáp Văn T1 01 Căn cước công dân số 024090012662 mang tên Giáp Văn T1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, có số IMEI 1: 867470041164937. Điện thoại được cho vào phong bì dán kín ký hiệu “ĐT Giáp Trường”; Thu giữ của Đoàn Văn T3 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số IMEI: 359189072684432, điện thoại được cho vào phong bì niêm phong dán kín ký hiệu “ĐT Đoàn Trường” và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 98B1-139.93, có số máy: 5C-64511798, số khung RLCS5C640BY511795.

Tổ công tác Công an tỉnh B tiến hành test nhanh việc sử dụng ma túy của Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3, Đỗ Văn B, Lê Văn H2, Nguyễn Hữu T5, Nguyễn Văn Q, Lê Văn K, Giáp Thế H3, Giáp Văn H4. Kết quả Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3, B, H2 dương tính với ma túy M; T5, K, H3, H4 đều dương tính với ma túy, Q âm tính với ma túy.

Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Thân Văn N về hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3 về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Thân Văn N tại nhà nghỉ H8, kết quả khám xét thu giữ trên tầng 2 phòng ngủ của Thân Văn N 01 đầu thu camera màu đen nhãn hiệu “@Jhua” có mã ModelDH-XVR1B08-I có sêri 7LOD1B6PAZE2BFD. Thu giữ tại camera ở hiên ngoài sân của nhà nghỉ H8 01 thẻ nhớ 32G nhãn hiệu “IMOU”. Thu giữ tại giường ngủ phòng 2 của nhà nghỉ H8 01 túi nilon bên trong đựng nhiều ống nhựa nhiều màu. 01 thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “THẺ NHỚ”. Đầu thu được niêm phong bằng dải niêm phong ký hiệu “KX”.

Cùng ngày 10/01/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho các đối tượng xác định hiện trường và chụp ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ án nhưng không thu giữ tài sản đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Ngày 10/01/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 ở thôn C, xã N, huyện T (là vợ của Thân Văn N) 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max màu vàng chanh có số IMEI 353100100862250.

Ngày 11/01/2024, Đỗ Văn B đến cơ quan điều tra Công an tỉnh B đầu thú về hành vi B chuẩn bị công cụ để “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cùng với Giáp Văn T1 và Đoàn Văn T3. Quá trình tiếp nhận đầu thú, Cơ quan điều tra thu giữ của B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, có số IMEI 1 868837036932412, lắp sim 0982.099.256 và 0397.799.786.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại Iphone Xs Max màu vàng chanh, có số IMEI 353112100034657 và MEID 35311210003465 thu giữ của Thân Văn N có số điện thoại 0985.379.296 phát hiện nội dung tin nhắn đến của tài khoản ngân hàng V1 mang tên Thân Văn N có nội dung Đoàn Văn T3 chuyển 500.000 đồng vào tài khoản 1014996569 của Thân Văn N vào hồi 10 giờ 41 phút ngày 10/01/2024.

Kiểm tra điện thoại của Giáp Văn T1 lắp sim số 0985.088.162 nội dung cuộc gọi đi, đến, tin nhắn đi, đến và danh bạ phát hiện có số điện 0977157.071 lưu tên “Dũng Đồ”, ngoài ra không phát hiện tin nhắn hay cuộc gọi đi đến nào liên quan đến ma túy. Kiểm tra phần ứng dụng zalo, facebook trên điện thoại phát hiện 01 cuộc trò chuyện với người có tên F “Cooca T1”, Cơ quan điều tra chụp 05 ảnh màn hình điện thoại.

Kiểm tra điện thoại Iphone 8 plus màu đen có số điện thoại 0976.602.755 thu giữ của Đoàn Văn T3 phát hiện cuộc gọi đi có số điện thoại 0396.679.691, kiểm tra phần ứng dụng zalo, Facebook không phát hiện nội dung gì liên quan đến ma túy.

Kiểm tra điện thoại của Đỗ Văn B lắp sim 1 số 0982.099.256 và số sim 2 là 0397.799.786. Kết quả kiểm tra sim 2 phát hiện 01 số điện thoại có lưu tên là “Truong hoi” số thuê bao 0976.602.755 gọi đến lúc 10 giờ 34 phút ngày 10/01/2024, B khai đây là số điện thoại của Đoàn Văn T3.

Kiểm tra điện thoại Iphone Xs max thu giữ của chị Nguyễn Thị Thùy L1 sim số 0966.549.678, phát hiện nội dung tin nhắn ở mục B2 có nhiều nội dung chuyển khoản. Kiểm tra ứng dụng tài khoản ngân hàng B2 tên đăng nhập Nguyễn Thị T có số tài khoản 4311191528 và những biến động giao dịch lưu trong ứng dụng điện thoại có một số là giao dịch khách chuyển tiền phòng, Cơ quan điều tra đã chụp 33 bản ảnh in ra giấy, trong đó có giao dịch hồi 12 giờ 40 phút tài khoản của chị T nhận 90.000 đồng từ tài khoản của Nguyễn Hữu T5 chuyển đến.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra thẻ nhớ camera thu giữ tại nhà nghỉ H8 phát hiện nhiều hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can, Cơ quan điều tra đã in các dữ liệu điện tử ra bản giấy.

Ngày 18/01/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường bãi rác nhà nghỉ H8, Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 chai nhựa màu trắng có gắn ống hút, trong đó có 04 chai nhựa màu trắng có gắn ống hút có nắp màu trắng và 01 chai nhựa màu trắng có gắn ống hút có nắp màu đỏ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

Nhà nghỉ H8 tại thôn C, xã N, huyện T do ông Thân Đức P, sinh năm 1960 ở thôn C, xã N, huyện T là bố đẻ của Thân Văn N đứng tên chủ cơ sở kinh doanh từ năm 2013. Quá trình kinh doanh đến khoảng năm 2020, ông P giao lại nhà nghỉ Hồng N3 cho con trai là Thân Văn N đứng ra quản lý kinh doanh. Nhà nghỉ H8 có 02 dãy nhà gồm 01 nhà 4 tầng và 01 dãy nhà cấp 4 ở sát phía sau gồm có 04 phòng. Quá trình quản lý kinh doanh sau khi khách trả phòng, N dọn dẹp phòng của khách mà nam giới đi với nhau đến thuê, Nam thấy trong phòng rất bẩn và có các chai nhựa cắm ống hút và giấy bạc, nhiều lần dọn thấy như vậy Nam tìm hiểu và biết chai nhựa, giấy bạc là dụng cụ khách dùng để sử dụng ma túy. Về sau thấy nhóm khách từ hai người nam giới trở lên đến thuê phòng thì N biết khách thuê phòng để sử dụng ma túy nên N bố trí khách xuống phòng ở dãy nhà cấp 4 phía sau để khách sử dụng ma túy. Giá N cho thuê phòng ở dãy nhà cấp 4 để sử dụng ma túy là 70.000 đồng/buổi sáng hoặc buổi chiều, còn dãy nhà 04 tầng N chỉ dành cho khách đến thuê phòng để nghỉ giá 50.000 đồng/1 giờ đầu, giờ tiếp theo thêm 10.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2024, Giáp Văn T1, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã C, huyện T và Đoàn Văn T3, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã N, huyện T đi làm ở Hải Dương cùng rủ nhau về quê thuê nhà nghỉ để sử dụng ma túy. Đoàn Văn T3 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98B1-139.93 chở Giáp Văn T1 về, trên đường về Giáp Văn T1 bảo Đoàn Văn T3 mỗi anh em mình góp 150.000 đồng tý về mua ma túy vào nhà nghỉ H8 sử dụng, Đoàn Văn T3 đồng ý. Khoảng 10 giờ 35 phút cả hai về đến dốc trường Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện T thì Đoàn Văn T3 gọi điện thoại cho Đỗ Văn B, sinh năm 1989 ở thôn K, xã N, huyện T bảo B ‘*Có đi chơi không ra đầu ngõ tao đón*’ B bảo có, sau đó B đi bộ ra đầu đường D chờ khoảng 05 phút thì Đoàn Văn T3 chở Giáp Văn T1 đi đến chờ B đến nhà nghỉ H8 ở thôn C, xã N, huyện T mục đích thuê phòng để sử dụng ma túy. Khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày khi Thân Văn N đang ở quầy lễ tân của nhà nghỉ H8 thì Đoàn Văn T3 chở Giáp Văn T1 và Đỗ Văn B đến. Đoàn Văn T3 đi vào quầy lễ tân gặp N thuê phòng, còn Giáp Văn T1 và B đứng ở bên ngoài quầy lễ tân đợi (N và Đoàn Văn T3, Đỗ Văn B có quen biết nhau từ trước). Gặp N, Đoàn Văn T3 nói với N “*Cho anh thuê một phòng*” N biết là Đoàn Văn T3 đi cùng B đến thuê phòng để sử dụng ma túy nên N bảo Đoàn Văn T3 trả tiền thì Đoàn Văn T3 bảo với N cho anh lấy

400.000 đồng tiền mặt, N đồng ý, sau đó Đoàn Văn T3 chuyển 500.000 đồng từ tài khoản số 0373202139 của Đoàn Văn T3 tại Ngân hàng M1 vào tài khoản số 1014996569 của N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N4, N đưa cho Đoàn Văn T3 số tiền 400.000 đồng tiền mặt, còn 100.000 đồng là tiền thuê phòng, tiền mua nước và thuốc lá, sau đó N đưa Đoàn Văn T3, Giáp Văn T1 và Đỗ Văn B đến phòng số 2 của dãy nhà cấp 4 mở cửa phòng xong rồi N đi lên quây lễ tân. Sau khi vào phòng thì Giáp Văn T1 và Đoàn Văn T3 có gọi vào số điện thoại 0396.679.691 của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ mà Giáp Văn T1 và Đoàn Văn T3 có lưu trong máy điện thoại để mua ma túy nhưng không có ai nghe máy nên Đoàn Văn T3 và Giáp Văn T1 đi xe mô tô ra ngoài để cầm cố xe mô tô nhưng không cầm cố được, sau đó quay lại phòng thì Đoàn Văn T3 đưa cho Giáp Văn T1 300.000 đồng để đi mua ma túy để sử dụng. Giáp Văn T1 cầm 300.000 đồng đút vào túi quần, sau đó B và Đoàn Văn T3 bảo Giáp Văn T1 xem có chỗ nào lấy được ma túy thì liên hệ để mua, Giáp Văn T1 gọi điện thoại vào số điện thoại 0977.157.071 cho một người tên là D1 được lưu trong danh bạ điện thoại là ‘D1 đồ’ để hỏi mua ma túy nhưng D1 không nghe máy. Đoàn Văn T3 đưa cho Giáp Văn T1 20.000 đồng để đi ra ngoài mua ống hút, B thấy không có dụng cụ sử dụng ma túy nên đã đi ra khu vực chỗ để rác ở gần nhà để xe của nhà nghỉ tìm chai nhựa, B tìm được 01 chai nhựa có cắm sẵn ống hút ở nắp chai đem vào phòng rửa sạch rồi để ở đầu giường. Khoảng 10 phút sau Giáp Văn T1 cầm một túi nilon bên trong đựng nhiều ống hút về để trên mặt bàn trong phòng, lúc này có Lê Văn H2, sinh năm 1988 ở thôn C, xã N, huyện T đến nhà nghỉ H8 mục đích để đón Lê Văn K, sinh năm 1983 ở thôn C, xã N, huyện T đang nghỉ ở Nhà nghỉ H8 gõ cửa phòng thì B ra mở cửa, Do quen biết nhau từ trước và biết B và T1 thuê phòng để sử dụng ma túy nên H2 vào phòng ngồi chơi. Sau khi H2 vào phòng thì Giáp Văn T1 điều khiển xe mô tô ra ngoài chỗ vị trí đặt biển nhà nghỉ H8 gần đường T mục đích để tìm mua ma túy, tại đây Giáp Văn T1 gặp một người đàn ông đi xe mô tô không đeo biển số, mặc áo mưa, đeo khẩu trang đến chỗ Giáp Văn T1 đứng, hỏi Giáp Văn T1 “*có lấy đồ không*” Giáp Văn T1 hiểu ý người đàn ông hỏi có mua ma túy không thì Giáp Văn T1 bảo có “*để cho ba trăm đá ngựa*”, người đàn ông đó lấy trong túi ra đưa cho Giáp Văn T1 01 gói giấy màu trắng, T1 cầm đút vào túi và đưa cho người đàn ông đó 300.000 đồng, sau đó điều khiển xe về nhà nghỉ H8. Giáp Văn T1 vào phòng để gói ma túy trên giường, lấy chai nhựa có gắn ống hút B để ở đầu giường để ra giữa giường. Đoàn Văn T3 cầm gói giấy màu trắng mở ra bên trong có 02 đoạn ống nhựa (trong đó có 01 đoạn ống nhựa đựng chất tinh thể màu trắng là ma túy đá và 01 đoạn đựng 01 viên hình tròn màu hồng là ma túy hồng phiến) và mảnh giấy bạc gấp lại. Đoàn Văn T3 lấy ma túy trong 02 đoạn ống nhựa ra cho lên mảnh giấy bạc rồi dùng bật lửa hơi bên dưới giấy

bạc, sau đó B dùng chai nhựa có gắn ống hút hít khói ma túy trên giấy bạc, sau đó lần lượt đến Giáp Văn T1, H2 và Đoàn Văn T3 vừa hơi vừa sử dụng.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày khi N đang ở quầy lễ tân thì có Đoàn Văn C, sinh năm 1993 ở thôn T, xã C, huyện T cùng Tân Tuấn A, sinh năm 2004 ở thôn N, xã C, huyện T đến nhà nghỉ H8 để thuê phòng sử dụng ma túy. Khi đến nhà nghỉ H8, Tuấn A và C có đến quầy lễ tân gặp Thân Văn N, Tuấn A nói với N “*cho em thuê phòng để chơi đồ*” (ý hỏi thuê phòng để sử dụng ma túy) Tuấn A nói “*em thuê một giờ*”, N nói giá 50.000 đồng, Tuấn A lấy 50.000 đồng đưa cho N, N cầm tiền và đưa Tuấn A và C vào phòng số 01 nhà cấp 4 mở cửa cho Tuấn A và C vào, sau đó N đi lên quầy lễ tân. Chỉ chuẩn bị dụng cụ và định đi mua ma túy về để sử dụng ma túy thì Tuấn A có việc phải đi về nên Tuấn A và C cùng nhau đi về.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1995 ở thôn H, xã S, huyện T cùng Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 ở thôn T, xã V, huyện T đến thuê phòng để sử dụng ma túy. Khi đến nơi T5 và Q vào phòng lễ tân gặp Thân Văn N, N hỏi T5 và Q “*có thuê phòng không, thuê bao lâu*” T5 trả lời N “*cho em thuê một phòng khoảng hai đến ba tiếng để chơi đồ, anh có ống hút không cho em mấy cái em chơi đồ*”, Nam hiểu ý T5 thuê phòng để sử dụng ma túy nên N nói với T5 “*không có ống hút*” và nói tiền thuê phòng hết 70.000 đồng, T5 bảo T5 mua 01 bao thuốc lá Thăng Long, N bảo tổng hết 90.000 đồng, T5 bảo em không có tiền mặt, N chỉ vào hai tờ giấy dán ở tủ quầy lễ tân có ghi thông tin tài khoản Ngân hàng và mã QR, trong đó 01 tờ giấy in thông tin tài khoản của Thân Văn N và 01 tờ giấy ghi thông tin tài khoản của Nguyễn Thị T là vợ của N. T5 dùng điện thoại quét mã QR chuyển số tiền 90.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị T. Sau khi chuyển tiền xong thì N bảo T5 đi xuống phòng số 01 dãy nhà cấp 4, T5 và Q xuống phòng số 01 mở cửa phòng đi vào thấy trên giường có sẵn 01 chai nhựa có cắm ống hút và 01 mảnh giấy bạc là dụng cụ để sử dụng ma túy. Khi vào phòng, Q lên giường nằm chơi điện tử, T5 đóng cửa lại rồi quay vào giường lấy 01 viên ma túy hồng phỉen mang theo ra để lên mảnh giấy bạc dùng bật lửa hơi nóng và dùng chai nhựa có cắm ống hút sử dụng ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, lực lượng Công an tỉnh B kiểm tra nhà nghỉ H8 bắt quả tang đối với Thân Văn N về hành vi “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” và Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3 về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và thu giữ các vật chứng nêu trên.

Ngoài ra, trong thời gian này có Lê Văn K đang thuê phòng số 03, Giáp Thế H3 và Giáp Văn H4 đang thuê phòng số 04 để nghỉ, đến khoảng 10 giờ ngày 10/01/2024 thì K trả phòng ra về, khi đi qua phòng số 04 K vào phòng số 4 cầm sạc nhò điện thoại và nằm chơi với H4 và H3 đến khoảng 13 giờ thì bị Công an kiểm tra nhà nghỉ H8 và tets nhanh ma túy.

Tại Kết luận giám định số 156/KL-KTHS ngày 18/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận:

5.1. Trong 01 phong bì ký hiệu “QT1” niêm phong gửi giám định:

- Trong mẫu chất màu đen bám dính trên 01 mảnh giấy bạc không tìm thấy thành phần chất ma túy.

5.2. Trong 01 phong bì ký hiệu “QT2” được niêm phong gửi giám định:

- Chất màu nâu đen bám dính trên 01 mảnh giấy bạc màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,166 gam.

- Chất màu trắng bám dính trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng, một đầu để hở là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng mẫu.

- Chất màu hồng đỏ bám dính trong 01 đoạn ống nhựa màu trắng một đầu để hở là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng mẫu.

Tại Kết luận giám định số 426/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: Tìm thấy 1285 file video hình ảnh (Trong thời gian cần trích xuất từ ngày 15/12/2023 đến ngày 10/01/2024- thời gian hiển thị trên khung hình của file video) lưu trữ trong một ổ cứng HDD nhãn hiệu TOSHIBA, màu đen-bạc, số S/N: 18NE3LYNS88C gắn trong đầu thu Camera nhãn hiệu Dahua gửi giám định, các dữ liệu trích xuất có tổng dung lượng là 278GB được lưu trữ vào 01 ổ cứng HDD được gắn trong Box ở cứng màu đen.

Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Hữu T5 và Nguyễn Văn Q nhận dạng Thân Văn N qua ảnh, kết quả cả T5 và Q đều nhận dạng được Thân Văn N là chủ nhà nghỉ H8 đã cho T5 thuê phòng để sử dụng ma túy.

Ngay sau khi bị bắt quả tang, Thân Văn N thừa nhận hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” như đã nêu trên. N khai nhận N cho các đối tượng thuê phòng ở dãy nhà cấp 4 để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, sau đó từ ngày 12/01/2024 Thân Văn N khai Nam cho Đoàn Văn T3, B, Giáp Văn T1, T5 và Q thuê phòng và những người khách thuê phòng khác N đều không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy, đến khi Công an đến kiểm tra thì N mới biết các đối tượng trên sử dụng ma túy tại nhà nghỉ. Do có mâu thuẫn trong lời khai với T5 và Q nên Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N đối chất với T5 nhưng N không thừa nhận và giữ nguyên lời khai, còn Q hiện vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất được với N.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3, Đỗ Văn B đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án, các bị cáo thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát huyện T là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo Thân Văn N, tại Cơ quan điều tra có thay đổi lời khai, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo. Viện kiểm sát viện dẫn Điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Thân Văn N từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 04 tháng tù về tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Giáp Văn T1 từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 04 tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đoàn Văn T3 từ 07 năm 04 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đỗ Văn B từ 07 năm đến 07 năm 02 tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/01/2024

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý về vật chứng, truy thu tiền thu lời bất chính, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội, Luật sư bào chữa cho bị cáo N nhất trí với tội danh, điều luật như cáo trạng viện dẫn truy tố bị cáo, Luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ tách nhiệm hình sự, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, đề nghị mức hình phạt là 07 năm tù.

Đối với các bị cáo khác không có tranh luận gì với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để cải tạo và sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H2, anh T5, anh Q, anh H3, anh H4 vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Giáp Văn T1, Đoàn Văn T7, Đỗ Văn B đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận bị truy tố là đúng người, đúng tội. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 40 phút ngày 10/01/2024 đến khoảng 13 giờ ngày 10/01/2024 tại phòng số 2 nhà cấp 4 nhà nghỉ H8 ở thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang do Thân Văn N, sinh năm 1991 ở thôn C, xã N, huyện T quản lý. Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3 và Đỗ Văn B đã có hành vi chuẩn bị dụng cụ và 01 gói ma túy tổng hợp Methamphetamine, cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức cho Lê Văn H2, sinh năm 1988 trú tại thôn C, xã N, huyện T sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 13 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện T kiểm tra bắt quả tang, số ma túy còn lại 0,166 gam ma túy Methamphetamine mục đích các bị cáo để tiếp tục sử dụng.

Bị cáo Thân Văn N, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, các bản tự khai bị cáo thừa nhận cho các đối tượng thuê phòng ở dãy nhà cấp 4 để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, sau đó từ ngày 12/01/2024 bị cáo xác định không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy, đến khi Công an đến kiểm tra thì bị cáo mới biết các đối tượng trên sử dụng ma túy. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy như cáo trạng đã viện dẫn, Điều luật truy tố bị cáo là đúng không oan. Lời nhận tội của bị

cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Thân Văn N là người trực tiếp quản lý nhà nghỉ H8 ở thôn C, xã N, huyện T có hành vi chứa chấp Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3, Đỗ Văn B và Lê Văn H2 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 02 nhà cấp 4 nhà nghỉ H8 và chứa chấp Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1995 ở thôn H, xã S, huyện T sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 01 nhà cấp 4 nhà nghỉ H8.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Giáp Văn T1, Đoàn Văn T3, Đỗ Văn B về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Thân Văn N về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội cần được chấp nhận. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, một mặt đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý về các loại dược phẩm có tính chất gây nghiện của Nhà nước, mặt khác từ hành vi này của tội phạm, đã dẫn đến làm xói mòn đạo đức xã hội, phẩm chất và nhân cách của con người và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong đời sống, gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Giáp T1, Đoàn T3 và B1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N trong quá trình điều tra đã thay đổi lời khai không nhận tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo B đầu thú, bị cáo N có ông nội là Thân Văn H5 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo Đoàn T3 và B có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo Giáp T1 có ông nội là Giáp Văn T8 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba, bà nội là Nguyễn Thị T9 được nhà nước tặng thưởng H6 chung kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, nên các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không chủ động phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo trong tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì thấy:

Bị cáo Đoàn Văn T3 là người trực tiếp thuê phòng để sử dụng ma túy và đưa tiền cho Giáp Văn T1 đi mua ma túy; Bị cáo Giáp Văn T1 là người khởi xướng việc mua ma túy để sử dụng, là người trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng, nên các bị cáo có vai trò thứ nhất.

Bị cáo B là người chuẩn bị công cụ để cho các đối tượng khác sử dụng ma túy nên có vai trò thứ 2.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Đoàn Văn T3 có vai trò thứ nhất trong tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặc dù bản án trên bị cáo đã được xóa án tích, nhưng cần xác định bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo từng bị xét xử về tội ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội nên cần phải có hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Đối với bị cáo Giáp T1, B, N phạm tội lần đầu, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Nhưng tình hình tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng tại địa phương, nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cần bắt các bị cáo cách ly với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân lương thiện.

Các bị cáo không có tài sản, thu nhập nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Do các bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam các bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hành vi của những người liên quan:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Giáp Văn T1, T1 không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có thông tin để xác minh làm rõ người bán ma túy cho T1 là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Về nguồn gốc số ma túy Nguyễn Hữu T5 sử dụng, T5 khai T5 mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực cầu C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do không có thông tin cụ thể nên Cơ quan điều tra không xác minh

làm rõ người bán ma túy cho T5 là ai, ở đâu, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra Giáp Thế H3 khai tối ngày 08/01/2024, H3 mua 200.000 đồng tiền ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở phía sau cổng chợ M2, thị trấn C, sau đó đến nhà nghỉ H8 gặp Thân Văn N thuê 01 phòng, N biết H3 thuê phòng để sử dụng ma túy nên cho H3 vào phòng ở dãy nhà cấp 4. Khi vào phòng H3 thấy có sẵn dụng cụ sử dụng ma túy nên H3 bỏ ma túy ra một mình sử dụng đến khuya thì H3 ra về, do đó Công an tets Hào dương tính với ma túy. Tuy nhiên Thân Văn N không thừa nhận việc N biết các đối tượng đến thuê phòng để sử dụng ma túy. Cơ quan điều tra triệu tập Giáp Thế H3 đến làm việc nhưng H3 không đến, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh hiện Hào vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất được với N nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của N đối với Hào ngày 08/01/2024.

Quá trình điều tra, Lê Văn K khai sử dụng ma túy tại nhà một mình vào tối ngày 07/01/2024. Giáp Văn H4 khai sử dụng ma túy tại nhà một mình vào tối ngày 08/01/2024. Về nguồn gốc số ma túy K và H4 đều khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực cổng sau chợ M2 thị trấn C và ngã ba thị trấn C, huyện T. Đối với những người đàn ông bán ma túy cho H3, K và H4 và ngày 07/01/2024 và ngày 08/01/2024 ở ngã ba thị trấn C và ở khu vực cổng sau chợ M2 thuộc tổ dân phố C, thị trấn C cả H3, H7 và H4 đều không biết tên tuổi, địa chỉ của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nên không có căn cứ xử lý đối với những người bán ma túy này.

Nguyễn Văn Q đi cùng T5 đến nhà nghỉ H8 để nghỉ không biết T5 mang theo ma túy đến để sử dụng, bản thân Q không sử dụng ma túy nên Q không vi phạm pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị T không biết việc N cho khách thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy, quá trình các đối tượng sử dụng ma túy chị T không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Thân Đức P không biết việc N cho khách thuê phòng để sử dụng ma túy nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với ông P. Việc ông P giao cho Thân Văn N quản lý nhà nghỉ nhưng không có tên trong danh sách được giao quản lý, điều hành việc cho thuê phòng nhà nghỉ H8. Do đó ông P là chủ sở hữu nhà nghỉ H8 không thực hiện tốt các biện pháp quản lý để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi của ông P có dấu hiệu vi phạm hành chính Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến Công an huyện T xử lý theo quy định.

Lê Văn K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 07/01/2024, Giáp Thế H3 và Giáp Văn H4 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 08/01/2024, Nguyễn Hữu T5 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 10/01/2024 Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu liên quan đến Công an huyện T để xử lý theo quy định.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phong bì ký hiệu “QT1” được niêm phong bằng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong có 01 mảnh giấy bạc có bầm dính dấu vết màu đen được hoàn lại sau giám định; 01 phong bì ký hiệu “QT2” được niêm phong bằng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong có chất màu nâu đen đựng trong 01 gói giấy bạc màu trắng là ma túy loại Methamphetamin, khối lượng 0,138 gam được hoàn lại sau giám định, 02 đoạn ống nhựa màu trắng, một đầu để hở; 07 chai nhựa có ống hút; 01 túi ni lon đựng nhiều ống hút; 02 bật lửa; 02 mảnh giấy bạc; 09 que tets ma túy là dụng cụ sử dụng ma túy, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Thân Văn N và 01 Căn cước công dân mang tên Giáp Văn T1 là giấy tờ tùy thân của N và Giáp Văn T1, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng chanh, có số IMEL 353112100034657 là điện thoại của Thân Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số IMEI: 359189072684432 là điện thoại của Đoàn Văn T3, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Appo màu hồng, có số IMEI 1 868837036932412 là điện thoại của Đỗ Văn B, những chiếc điện thoại này các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 98B1-139.93, có số máy: 5C-64511798, số khung RLCS5C640BY511795 được đăng ký chủ sở hữu là Đoàn Văn T3 là tài sản của T3 sử dụng chở Giáp Văn T1 và B đến nhà nghỉ H8 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, có số IMEI 1: 867470041164937 là điện thoại của Giáp Văn T1, không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 đầu thu camera màu đen nhãn hiệu “@Jhua”; 01 thẻ nhớ 32G nhãn hiệu “IMOU” là tài sản của ông Thân Đức P không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho ông P.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max màu vàng chanh có số IMEI 353100100862250 là tài sản của chị Nguyễn Thị T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chị T.

Về tiền thu lời bất chính 140.000 đồng của bị cáo N, cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Thân Văn N 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù về tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Giáp Văn T1 07 (bảy) năm 01 (một) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đoàn Văn T3 07 (bảy) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Đỗ Văn B 07 (bảy) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/01/2024.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu “QT1” được niêm phong bằng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong có 01 mảnh giấy bạc có bám dính dấu vết màu đen được hoàn lại sau giám định; 01 phong bì ký hiệu “QT2” được niêm phong bằng dấu của Phòng K1 Công an tỉnh B bên trong có chất màu nâu đen đựng trong 01 gói giấy bạc màu trắng là ma túy loại Methamphetamin, khối lượng 0,138 gam được hoàn lại sau giám định, 02 đoạn ống nhựa màu trắng, một đầu để hở; 07 chai nhựa có ống hút; 01 túi ni lon đựng nhiều ống hút; 02 bật lửa; 02 mảnh giấy bạc; 09 que tets ma túy.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng chanh, có số IMEI 353112100034657 là điện thoại của Thân Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số IMEI: 359189072684432 là điện thoại của Đoàn Văn T3, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng, có số IMEI 1 868837036932412 là điện thoại của Đỗ Văn B; 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 98B1-139.93, có số máy: 5C-64511798, số khung RLCS5C640BY511795 được đăng ký chủ sở hữu là Đoàn Văn T3.

Trả lại bị cáo Giáp Văn T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, có số IMEI 1: 867470041164937, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại ông Thân Đức P 01 đầu thu camera màu đen nhãn hiệu “@Jhua”; 01 thẻ nhớ 32G nhãn hiệu “IMOU”.

Trả lại chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max màu vàng chanh có số IMEI 353100100862250

Trả lại bị cáo Thân Văn N 01 Căn cước công dân mang tên Thân Văn N, trả lại bị cáo Giáp Văn T1 01 Căn cước công dân mang tên Giáp Văn T1.

Buộc bị cáo Thân Văn N phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 140.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm,

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy